|  |  |
| --- | --- |
|  **BỘ TÀI CHÍNH**  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| ––––– | **Độc lập** – **Tự do** – **Hạnh phúc** |
|  |  |
| Số:/2025/TT-BTC | Hà Nội, ngày tháng năm 2025 |

**DỰ THẢO 1**

**THÔNG TƯ**

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng**

**phí thẩm định phê duyệt thiết kế phòng cháy và chữa cháy**

*Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ ngày 29 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí; Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;*

*Căn cứ Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành* *Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;*

*Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 91/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;*

*Căn cứ Nghị định số**11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ; Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ;*

*Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí,*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phê duyệt thiết kế phòng cháy và chữa cháy.*

## **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phê duyệt thiết kế phòng cháy và chữa cháy áp dụng cho dự án đầu tư xây dựng công trình, công trình và phương tiện giao thông (sau đây gọi chung là dự án) theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

Đối với nội dung thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy được thực hiện trong quá trình thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở do cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện thì thực hiện thu phí thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và phí thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

Đối với nội dung thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy được thực hiện trong quá trình thẩm định thiết kế phương tiện do cơ quan đăng kiểm thực hiện thì thực hiện thu giá dịch vụ kiểm định theo quy định của pháp luật về quản lý giá.

## 2. Thông tư này áp dụng đối với người nộp phí, tổ chức thu phí thẩm định phê duyệt thiết kế phòng cháy và chữa cháy và tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phê duyệt thiết kế phòng cháy và chữa cháy.

**Điều 2. Người nộp phí**

## Tổ chức, cá nhân khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy phải nộp phí theo quy định tại Thông tư này.

**Điều 3. Tổ chức thu phí**

## Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp dịch vụ thẩm định thiết kế về phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ là tổ chức thu phí theo quy định tại Thông tư này.

**Điều 4. Phương pháp tính mức thu phí thẩm định phê duyệt**

1. Mức thu phí thẩm định phê duyệt thiết kế phòng cháy và chữa cháy (sau đây gọi là mức thu phí thẩm duyệt) đối với dự án xác định theo công thức sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức thu phí thẩm duyệt | = | Tổng mức đầu tư dự án được phê duyệt | x | Tỷ lệ tính phí |
|

Trong đó:

- Tổng mức đầu tư dự án được xác định theo quy định tại Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng trừ chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư, chi phí sử dụng đất (tính toán trước thuế).

- Tỷ lệ tính phí được quy định tại Biểu mức tỷ lệ tính phí thẩm định phê duyệt thiết kế phòng cháy và chữa cháy ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trường hợp dự án có tổng mức đầu tư nằm giữa các khoảng giá trị tổng mức đầu tư của dự án ghi trong Biểu mức tỷ lệ tính phí thẩm định phê duyệt thiết kế phòng cháy và chữa cháy ban hành kèm theo Thông tư này thì tỷ lệ tính phí được tính theo công thức sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nit = Nib - { | Nib - Nia | x ( Git - Gib ) } |
| Gia - Gib |

Trong đó:

- Nit là tỷ lệ tính phí của dự án thứ i theo quy mô giá trị cần tính (Đơn vị tính: %).

- Git là giá trị tổng mức đầu tư của dự án thứ i cần tính phí thẩm duyệt (Đơn vị tính: Tỷ đồng).

- Gia là giá trị tổng mức đầu tư cận trên giá trị tổng mức đầu tư của dự án cần tính phí thẩm duyệt (Đơn vị tính: Tỷ đồng).

- Gib là giá trị tổng mức đầu tư cận dưới giá trị tổng mức đầu tư của dự án cần tính phí thẩm duyệt (Đơn vị tính: Tỷ đồng).

- Nia là tỷ lệ tính phí của dự án thứ i tương ứng Gia (Đơn vị tính: %).

- Nib là tỷ lệ tính phí của dự án thứ i tương ứng Gib (Đơn vị tính: %).

3. Mức thu phí thẩm duyệt phải nộp đối với một dự án được xác định theo hướng dẫn tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, mức tối thiểu là 500.000 đồng/dự án và tối đa là 150.000.000 đồng/dự án.

4. Mức thu phí thẩm duyệt đối với dự án đầu tư xây dựng thiết kế cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng công trình, hạng mục công trình; hoán cải phương tiện giao thông; xây dựng mới hạng mục công trình được xác định theo giá trị tổng mức đầu tư cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng công trình, hạng mục công trình; hoán cải phương tiện giao thông; thiết kế xây dựng mới hạng mục công trình.

**Điều 5. Kê khai, nộp phí**

1. Chậm nhất là ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu của tháng trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước.

2. Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, nộp số tiền phí thu được theo quy định tại Thông tư số 74/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hình thức, thời hạn thu, nộp, kê khai các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quy định của Bộ Tài chính.

**Điều 6. Quản lý và sử dụng phí**

## 1. Tổ chức thu phí được trích lại 60% số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động, cung cấp dịch vụ, thu phí theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí.

2. Số tiền phí còn lại nộp (40%) vào ngân sách nhà nước theo chương, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

**Điều 7. Tổ chức thực hiện**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025.

2. Thông tư này bãi bỏ:

a) Thông tư số 258/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phê duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy.

b) Điều 2 Thông tư số 52/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [217/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-217-2016-TT-BTC-muc-thu-che-do-thu-nop-quan-ly-su-dung-phi-xac-minh-giay-to-tai-lieu-333807.aspx%22%20%5Ct%20%22_blank) ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí xác minh giấy tờ, tài liệu theo yêu cầu của cá nhân; Thông tư số [258/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-chinh-nha-nuoc/Thong-tu-258-2016-TT-BTC-phi-tham-dinh-phe-duyet-thiet-ke-phong-chay-va-chua-chay-332297.aspx%22%20%5Ct%20%22_blank) ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phê duyệt thiết kế phòng cháy và chữa cháy.

2. Các hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đã nộp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành nhưng được cấp văn bản thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy sau ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì thực hiện thu phí theo quy định tại Thông tư này.

## 3. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí không đề cập tại Thông tư này được thực hiện theo quy định tại các văn bản: Luật Phí và lệ phí; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí; Nghị định số 82/2023/NĐ-CP; Luật Quản lý thuế; Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 91/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước; Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ; Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ và Thông tư số 78/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ.

## 4. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản liên quan viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** | **KT. BỘ TRƯỞNG** |
| - Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Quốc hội;- Hội đồng Dân tộc; - Ủy ban Kinh tế và Tài chính;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;- Toà án nhân dân tối cao; - Kiểm toán nhà nước;- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;- Chi cục Thuế, Kho bạc Nhà nước các khu vực;- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;- Công báo;- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;- Lưu: VT, Cục CST ( b). | **THỨ TRƯỞNG** |
| **Cao Anh Tuấn** |

**BIỂU MỨC TỶ LỆ TÍNH PHÍ THẨM ĐỊNH PHÊ DUYỆT THIẾT KẾ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2025/TT-BTC ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**1. Đối với dự án, công trình**

***Đơn vị tính: Tỷ lệ %***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** |  **Tổng mức đầu tư**  **(tỷ đồng)****Dự án, công trình** | **Đến 15** | **100** | **500** | **1000** | **5000** | **Từ 10000 trở lên**  |
| 1 | Dự án, công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình giao thông | 0.00336 | 0.00182 | 0.00101 | 0.00068 | 0.00038 | 0.00025 |
| 2 | Dự án, công trình dầu khí, năng lượng, hóa chất | 0.00664 | 0.00359 | 0.00200 | 0.00133 | 0.00074 | 0.00050 |
| 3 | Dự án, công trình dân dụng, công nghiệp khác | 0.00484 | 0.00262 | 0.00146 | 0.00097 | 0.00054 | 0.00036 |
| 4 | Dự án, công trình khác | 0.00444 | 0.00240 | 0.00134 | 0.00089 | 0.00050 | 0.00033 |

 ***Ghi chú:*** *Danh mục dự án, công trình thuộc Mục 1, 2, 3 Biểu mức này xác định theo quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành**[Luật Xây dựng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Xay-dung-Do-thi/Luat-Xay-dung-2014-238644.aspx%22%20%5Ct%20%22_blank) về quản lý hoạt động xây dựng. Trường hợp dự án, công trình không thuộc danh mục quy định tại Nghị định nêu trên thì được xác định theo Mục 4 Biểu mức này.*

**2. Đối với phương tiện giao thông**

***Đơn vị tính: Tỷ lệ %***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** |  **Tổng mức đầu tư**  **(tỷ đồng)****Phương tiện giao thông** | **Đến 05** | **50** | **100** | **500** | **Từ 1000 trở lên** |
| 1 | Tàu thủy | 0.01215 | 0.00640 | 0.00427 | 0.00237 | 0.00158 |